# VI. Writing (trang 61, 62, 63)

**SBT Tiếng Anh lớp 12 trang 61, 62, 63 Unit 5 VI. Writing - Global success**  
**1 (trang 61-62 SBT Tiếng Anh 12 Global Success):** Circle the letter A, B, C, or D to indicate the sentence that is closest in meaning to each of the following questions. (Khoanh tròn chữ cái A, B, C hoặc D để chỉ ra câu có nghĩa gần nhất với mỗi câu hỏi sau.)  
1. The new employee completed the training programme, and now she is ready to start her new job.  
A. After completing the training programme, the new employee is now ready to start her new job.  
B. The new employee completed the training programme, which prepared her for her new job.  
C. The new employee had finished the training programme, SO she can now start her new job.  
D. Before the new employee completed the training programme, she was ready to start her new job.  
2. The manager gave the team some words of encouragement before the big presentation, but they still felt nervous.  
A. Despite the manager's words of encouragement, the team still felt nervous for the big presentation.  
B. The team received some words of encouragement from the manager, so they felt nervous before the big presentation.  
C. Although the manager gave the team some words of encouragement, they were still nervous before the big presentation.  
D. Before the big presentation, the manager gave the team some words of encouragement, SO that the team remained nervous.  
3. The company hired a new CEO, and she implemented a new strategy to boost profits.  
A. The new CEO were hired by the company, but she didn't implement a new strategy to boost profits.  
B. After hiring, the new CEO of the company implemented a new strategy to boost profits.  
C. The company hired a new CEO who was implemented a new strategy to boost profits.  
D. After the new CEO was hired, she implemented a new strategy to boost profits.  
4. The project deadline was moved up, so we had to work overtime to finish the project on time.  
A. We had to work overtime to finish the project on time before the deadline was moved up.  
B. Because the project deadline moved up, we had to work overtime to finish on time.  
C. After the deadline was moved up, we had no choice but to work overtime to finish the project on time.  
D. The project deadline was moved up, which forced us to work overtime to finish in time.  
5. New employees are usually nervous on their first day, but they quickly adapt to the new environment.  
A. Despite of feeling nervous on their first day, new employees quickly adapt to the new environment.  
B. New employees often feel nervous on their first day, but they are able to adapt to the new environment quickly.  
C. Although new employees adapt quickly to the new environment, they are nervous on their first day.  
D. On the first day, new employees are very nervous, although they quickly adapt to the new environment.  
6. The employees worked late every day, so they could finish the project before the deadline.  
A. The employees worked late every day in order to finish the project before the deadline.  
B. The employees worked late every day, which allowed them to finish the project after the deadline.  
C. In order finish the project before the deadline, the employees worked late every day.  
D. Working late every day prevented the employees from finishing the project before the deadline.  
7. The company decided to invest in new technology to increase efficiency and productivity.  
A. Because of the efficiency and productivity, the company invested in new technology.  
B. The company decided to spend money on new technology to increase efficiency and productivity.  
C. New technology is decided by the company to boost efficiency and productivity.  
D. To invest in new technology, the company increased efficiency and productivity.  
8. The manager assigned a difficult task to the new employee, and he completed it successfully.  
A. Completing the difficult task which assigned by the manager was successful for the new employee.  
B. After assigned a difficult task by the manager, the new employee successfully completed it.  
C. The manager assigned a difficult task to the new employee, but he completed it successfully.  
D. The new employee successfully completed the difficult task assigned by the manager.  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. A  
  
  
2. C  
  
  
3. A  
  
  
4. B  
  
  
  
  
5. B  
  
  
6. A  
  
  
7. B  
  
  
8. A  
  
  
  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Nhân viên mới đã hoàn thành chương trình đào tạo và bây giờ cô ấy đã sẵn sàng bắt đầu công việc mới của mình.  
A. Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, nhân viên mới đã sẵn sàng bắt đầu công việc mới của mình.  
2. Người quản lý đã động viên nhóm vài lời trước buổi thuyết trình lớn nhưng họ vẫn cảm thấy lo lắng.  
C. Mặc dù người quản lý đã đưa ra vài lời động viên nhưng họ vẫn lo lắng trước buổi thuyết trình lớn.  
3. Công ty thuê một CEO mới và cô ấy đã thực hiện một chiến lược mới để tăng lợi nhuận.  
A. Giám đốc điều hành mới được công ty thuê nhưng cô ấy không thực hiện chiến lược mới để tăng lợi nhuận.  
4. Thời hạn dự án được đẩy lên nên chúng tôi phải làm việc ngoài giờ để hoàn thành dự án đúng thời hạn.  
B. Vì thời hạn dự án đến gần nên chúng tôi phải làm việc ngoài giờ để hoàn thành đúng thời hạn.  
5. Nhân viên mới thường lo lắng trong ngày đầu tiên nhưng họ nhanh chóng thích nghi với môi trường mới.  
B. Nhân viên mới thường cảm thấy lo lắng trong ngày đầu tiên nhưng họ có thể thích nghi với môi trường mới một cách nhanh chóng.  
6. Nhân viên làm việc muộn mỗi ngày để có thể hoàn thành dự án trước thời hạn.  
A. Các nhân viên làm việc muộn mỗi ngày để hoàn thành dự án trước thời hạn.  
7. Công ty quyết định đầu tư vào công nghệ mới để tăng hiệu quả và năng suất.  
B. Công ty quyết định chi tiền cho công nghệ mới để tăng hiệu quả và năng suất.  
8. Người quản lý đã giao một nhiệm vụ khó khăn cho nhân viên mới và anh ta đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đó.  
A. Hoàn thành tốt nhiệm vụ khó khăn do người quản lý giao là thành công đối với nhân viên mới.  
  
**2 (trang 62-63 SBT Tiếng Anh 12 Global Success):** Use the words and phrases, and add some words where necessary to make meaningful sentences. You can change the forms of verbs it necessary. (Sử dụng các từ và cụm từ, đồng thời thêm một số từ cần thiết để tạo thành các câu có ý nghĩa. Bạn có thể thay đổi dạng động từ cần thiết.)  
1. Many people / believe / career success / depend / not only / hard work, / but also / networking and communication skills.  
2. To get a promotion, / employee / should not only / perform well / the job, / but also / able to demonstrate / leadership qualities.  
3. After / graduate from university, / some students / prefer / start their own business / instead / work for a company.  
4. If you want / successful / workplace, / it / be / important / have a clear understanding / your strengths and weaknesses.  
5. Working long hours / without taking breaks / can / lead / burnout, which / can have / negative impact / your mental and physical health.  
6. In order / build a successful career / important / have a long-term plan / willing to make sacrifices / along the way.  
7. Although technology / leave / people out of work / it - also / create / many new jobs.  
8. In today's competitive job market, it / be / important / have a wide range / skills / be able / adapt / change circumstances.  
**Đáp án:**  
1. Many people believe that career success depends not only on hard work but also on networking and communication skills.  
2. To get a promotion, an employee should not only perform well on the job, but also be able to demonstrate leadership qualities.  
3. After graduating from university, some students prefer to start their own business instead of working for a company.  
4. If you want to be successful in the workplace, it is important to have a clear understanding of your strengths and weaknesses.  
5. Working long hours without taking breaks can lead to burnout, which can have a negative impact on your mental and physical health.  
6. In order to build a successful career, it is important to have a long-term plan and to be willing to make sacrifices along the way.  
7. Although technology has made many jobs more efficient, it has also led to the automation of certain tasks.  
8. In today’s competitive job market, it is important to have a wide range of skills and to be able to adapt to changing circumstances.  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Nhiều người tin rằng thành công trong sự nghiệp không chỉ phụ thuộc vào sự chăm chỉ mà còn phụ thuộc vào kỹ năng kết nối và giao tiếp.  
2. Để được thăng chức, nhân viên không chỉ phải hoàn thành tốt công việc mà còn phải thể hiện tố chất lãnh đạo.  
3. Sau khi tốt nghiệp đại học, một số sinh viên thích tự kinh doanh thay vì làm việc cho công ty.  
4. Nếu bạn muốn thành công ở nơi làm việc, điều quan trọng là bạn phải hiểu rõ điểm mạnh và điểm yếu của mình.  
5. Làm việc nhiều giờ mà không nghỉ ngơi có thể dẫn đến kiệt sức, điều này có tác động tiêu cực đến sức khỏe tinh thần và thể chất của bạn.  
6. Để xây dựng sự nghiệp thành công, điều quan trọng là phải có kế hoạch dài hạn và sẵn sàng hy sinh trên đường đi.  
7. Mặc dù công nghệ đã giúp nhiều công việc trở nên hiệu quả hơn nhưng nó cũng dẫn đến việc tự động hóa một số nhiệm vụ nhất định.  
8. Trong thị trường việc làm cạnh tranh ngày nay, điều quan trọng là phải có nhiều kỹ năng và khả năng thích ứng với hoàn cảnh thay đổi.  
  
**3 (trang 63 SBT Tiếng Anh 12 Global Success):** You are a secondary school student trying to earn some pocket money. Write a letter (120-150 words) to apply for one of the summer jobs advertised below. (Bạn là một học sinh cấp hai đang cố gắng kiếm một ít tiền tiêu vặt. Viết một lá thư (120-150 từ) để xin việc vào một trong những công việc mùa hè được quảng cáo dưới đây.)  
  
**Gợi ý:**  
Dear Sir or Madam,  
Re: Applying for...  
I am writing to apply for the part-time sales assistant that was advertised in the Youth Newspaper. As a high school student, I am keen to gain some work experience during my summer holidays.  
I have previous work experience in customer service and sales, which helped me improve my communication skills. I am confident that I can provide excellent service to customers and assist them in finding the products they need.  
I also want to learn how a clothing store works. I think this job can teach me important skills on how to handle and manage the items in the store.  
I consider myself to be reliable, hard-working, and enthusiastic. I can speak English fluently, so I can communicate with foreign customers quite comfortably.  
I would be delighted to meet you in person to discuss my application. I will be available for an interview any afternoon during the week. If my application is successful, I will be able to start working from 30 May when I finish my exams.  
Thank you for taking the time to consider my application. I look forward to hearing from you soon.  
Yours faithfully,  
[Your name]  
**Hướng dẫn dịch:**  
Thưa ông hoặc bà,  
Re: Nộp đơn xin...  
Tôi viết thư này để xin việc làm trợ lý bán thời gian được đăng trên Báo Tuổi Trẻ. Là một học sinh trung học, tôi mong muốn có được một số kinh nghiệm làm việc trong kỳ nghỉ hè.  
Tôi có kinh nghiệm làm việc trước đây trong lĩnh vực dịch vụ khách hàng và bán hàng, điều này đã giúp tôi cải thiện kỹ năng giao tiếp của mình. Tôi tự tin rằng mình có thể cung cấp dịch vụ xuất sắc cho khách hàng và hỗ trợ họ tìm kiếm sản phẩm họ cần.  
Tôi cũng muốn tìm hiểu cách hoạt động của một cửa hàng quần áo. Tôi nghĩ công việc này có thể dạy tôi những kỹ năng quan trọng về cách xử lý và quản lý hàng hóa trong cửa hàng.  
Tôi tự nhận mình là người đáng tin cậy, chăm chỉ và nhiệt tình. Tôi có thể nói tiếng Anh lưu loát nên có thể giao tiếp với khách hàng nước ngoài khá thoải mái.  
Tôi rất vui được gặp trực tiếp ông/ bà để thảo luận về đơn đăng ký của tôi. Tôi sẽ có mặt để phỏng vấn vào bất kỳ buổi chiều nào trong tuần. Nếu đơn đăng ký của tôi thành công, tôi sẽ có thể bắt đầu làm việc từ ngày 30 tháng 5 khi tôi hoàn thành bài kiểm tra của mình.  
Cảm ơn ông/ bà đã dành thời gian xem xét đơn đăng ký của tôi. Tôi mong sớm nhận được hồi âm từ ông/ bà.  
Trân trọng,  
**Xem thêm lời giải bài tập Tiếng Anh lớp 12 sách Global success hay khác:**  
I. Pronunciation (trang 53)  
II. Vocabulary (trang 53, 54, 55)  
III. Grammar (trang 55, 56, 57)  
IV. Reading (trang 57, 58, 59)  
V. Speaking (trang 59, 60)